

Bản án số: 1106/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2020

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Dũng

Bà Phạm Thị Phạm Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Hương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: -
Bà Trần Thị Kim Nghĩa_ Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:491/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm: 1974; Địa chỉ thường trú: số 46/4 đường số 13A, khu phố 7, phường B, quận T, Thành phố H. Địa chỉ: số 333/1 ấp C, xã T, huyện N, tỉnh Đ

Bị đơn:

Ông Từ Chí Q, sinh năm: 1969; Thường trú: 46/4 đường số 13A, khu phố 7, phường A, quận T, Thành phố H.

NỘI D V U ÁN:

Tại đơn ly hôn ngày 07/4/2020, bản tự khai của bà Trần Thị Mỹ D trình bày: Bà và ông Từ Chí Q chung sống với nhau vào năm 1992 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyển số 1/92 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/10/1992). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bà làm ăn thua lỗ nên ông Q thường xuyên kiểm soát chửi bà. Vì con nên bà nhẫn nhục chịu đựng nhưng mỗi lần ông Q nhậu say là đánh đập bà, bà không thể tin tưởng và tha thứ cho ông Q. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay bà nhận

thấy tình cảm không còn, khả năng hàn gắn đoàn tụ không có nên bà xin ly hôn ông Từ Chí Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà có 02 con chung là Từ Ngọc D, sinh ngày 23/7/1993 và Từ Đ, sinh ngày 04/12/1995.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn_ ông Từ Chí Q trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bà D làm ăn thua lỗ, thiếu nợ bên ngoài nhưng không nói cho ông biết, ông là người trả nợ. Vì lý do này nên bản thân ông thấy buồn bực và có chửi đánh bà D mỗi lần nhậu về, còn bà D cũng nhiều lần đánh ông trước. Nay bà D xin ly hôn, ông không đồng ý vì ông vẫn còn thương vợ và mâu thuẫn giữa vợ chồng ông cũng không có gì lớn để dẫn đến ly hôn. Ông mong bà D cho ông cơ hội để hàn gắn, ông sẽ viết cam kết và không còn tình trạng nhậu vào là về đánh bà D.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn: Bà không còn tình yêu và niềm tin vào ông Q và từ khi nộp đơn ly hôn cho đến nay ông Q vẫn hù dọa bà nên bà cương quyết xin ly hôn.

Bị đơn: Không đồng ý ly hôn vì lý do vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì lớn và mong bà D về chăm sóc con cháu và trông coi nhà cửa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

Về nội D: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết : bà Trần Thị Mỹ D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Từ Chí Q và theo xác minh của Công an phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh “*Từ Chí Q, sinh năm 1969 đang thực tế cư trú tại 46/4 đường 13A, phường B, quận T*”. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội D:

[3.1] Bà Trần Thị Mỹ D và ông Từ Chí Q đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyền số 1/92 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 11, Thành phố H cấp ngày 5/10/1992, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp

[3.2] Xét yêu cầu của bà D về việc xin ly hôn ông Từ Chí Q vì lý do tình cảm không còn và mong muốn ổn định cuộc sống. Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ sự không tin tưởng nhau, không dám chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, không tôn trọng nhau nên dẫn đến vợ chồng xảy ra những bất đồng tiềm ẩn bên trong nội tâm ông Q và bà D. Bản thân bà D thừa nhận rất sợ hãi khi nghe tiếng xe máy của ông Q đi nhậu về, mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Tại phiên tòa, phía ông Q xác nhận có đánh bà D trong tình trạng say xỉn nhưng đó là chuyện trước đây, từ ngày bà D bỏ về nhà mẹ đẻ thì vợ chồng không có xích mích gì, bản thân ông mong muốn bà D quay về trông coi con cháu, nhà cửa, ông Q nhận lỗi và hứa sẽ hạn chế tình trạng say xỉn không chửi, không đánh đập bà D. Còn phía bà D thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do 1 phần lỗi từ phía bà làm ăn thua lỗ nhưng không dám nói với chồng, nhưng tâm lý của bà hiện nay rất bất ổn mà quan trọng hơn bà không còn niềm tin và tình yêu vào lời hứa của ông Q. Từ những phân tích và lập luận trên, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đời sống hôn nhân của vợ chồng bà D và ông Q rơi vào tình trạng trầm trọng, không có sự tin tưởng nhau nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

[3.3] Xét về con chung: bà D và ông Q khai có 02 con chung tên là Từ Ngọc D, sinh ngày 23/7/1993 và Từ Đ, sinh ngày 04/12/1995, đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Không có.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà D nộp tiền án phí theo quy định 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ D:

- Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Mỹ D ly hôn với ông Từ Chí Q
- Về con chung: Có hai con chung là Từ Ngọc D, sinh ngày 23/7/1993 và Từ Đ, sinh ngày 04/12/1995, đều đã trưởng thành.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.
- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà D phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được căn trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0065346 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Ủy ban nhân dân phường 14, Quận 11, Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Huyền